

Số: 05/CV-MAC
No: 05/CV-MAC

Hải phòng, ngày 26 tháng 01 năm 2026
Haiphong, January, 26, 2026

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To: Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty Cổ phần tập đoàn Macstar
2. Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: MAC
3. Địa chỉ/Address: Số 8A đường Vạn Mỹ, Phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam/ No.8A Van My street, Ngo Quyen ward, Hai Phong City, Viet Nam.
4. Điện thoại liên hệ/Tel.: 0225.3766561
5. Website: <http://www.macsstar.com.vn>
6. Người thực hiện Công bố thông tin/ Person responsible for disclosing information: *Trịnh Thị Thu Trang/ Mrs. Trinh Thi Thu Trang*
7. Loại thông tin công bố/ Type of information disclosed:
24h/24 hour: ☐ định kỳ / periodic ☒
bất thường/abnormal ☐ theo yêu cầu/upon request: ☐
8. Nội dung của thông tin công bố/ Content of the published information:
 - Báo cáo tài chính quý 4/2025/ Financial report for Q4/2025
 - Bản giải trình số liệu quý 4/2025/ Quarterly Data Explanation for Q4/2025
9. Thông tin này được công bố đồng thời trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 26/1/2026 tại đường dẫn/ This information was published simultaneously on the Company's website on January 26, 2026, at the following link: macsstar.com.vn/
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố/ We hereby declare that the information published above is true and accurate, and we assume full legal responsibility for its content.

Người được ủy quyền CBTT
Person authorized to disclose information



Trịnh Thị Thu Trang

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Số 8A- Đường Vạn Mỹ- Ngô Quyền- Hải Phòng

-----&*&-----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH **QUÝ IV NĂM 2025**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV.2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		151,678,987,007	73,948,113,436
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	95,461,356,767	21,909,254,364
1. Tiền	111		3,611,356,767	10,309,254,364
2. Các khoản tương đương tiền	112		91,850,000,000	11,600,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		35,237,763,130	27,464,428,161
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	35,897,471,579	27,464,428,161
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(659,708,449)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17,518,396,324	21,731,253,356
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	13,338,788,599	8,852,248,391
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	32,999,400	10,155,222,974
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	4,146,608,325	2,723,781,991
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2,845,760,833	2,635,326,240
1. Hàng tồn kho	141	V.6	2,883,042,005	2,673,193,194
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	(37,281,172)	(37,866,954)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		615,709,953	207,851,315
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	88,289,861	207,851,315
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20,239,121	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		507,180,971	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		364,949,843,877	184,757,906,629
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		27,000,000,000	33,601,128,276
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	27,000,000,000	33,601,128,276
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		10,021,642,038	13,042,200,920
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	9,388,010,038	12,408,568,920
Nguyên giá	222		47,289,288,182	50,015,432,307
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37,901,278,144)	(37,606,863,387)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	633,632,000	633,632,000
Nguyên giá	228		673,632,000	673,632,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40,000,000)	(40,000,000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		16,311,627	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		16,311,627	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		327,652,215,384	138,022,383,475
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	213,500,000,000	152,500,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		120,600,000,000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	900,000,000	1,200,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(7,347,784,616)	(15,677,616,525)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		259,674,828	92,193,958
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	259,674,828	92,193,958
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		516,628,830,884	258,706,020,065

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		32,768,305,519	22,967,664,523
I. Nợ ngắn hạn	310		32,768,305,519	22,967,664,523
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	17,306,662,161	4,955,181,401
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	846,532,043	632,872,686
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	6,981,677,710	9,092,765,068
4. Phải trả người lao động	314		2,994,496,766	2,811,989,636
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	849,410,728	3,858,105,787
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	216,000,000	153,574,074
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		590,762,306	439,857,177
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		2,982,763,805	1,023,318,694
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

N:0
 CỘNG
 CỔ P
 TẬP E
 MẠC
 PHỔ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		483,860,525,365	235,738,355,542
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	483,860,525,365	235,738,355,542
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		439,560,690,000	151,397,450,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		439,560,690,000	151,397,450,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(1,200,162,900)	(643,572,900)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	22,364,202,769
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22,862,255	22,862,255
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		45,477,136,010	62,597,413,418
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38,859,427,243	12,334,739,300
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		6,617,708,767	50,262,674,118
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		516,628,830,884	258,706,020,065

TRUE

TRUE

Lập, ngày tháng 01 năm 2026

Tổng Giám đốc



Cáp Trọng Cường

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thúy Nga

Nguyễn Thị Thúy Nga

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUY 4.2025

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 4/2025	Quý 4/2024	Lũy kế đến 31/12/2025	Lũy kế đến 31/12/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	V1.1	41,732,522,276	32,975,686,513	147,962,009,141	100,570,392,915
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V1.1	41,732,522,276	32,975,686,513	147,962,009,141	100,570,392,915
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.2	32,836,472,467	25,125,587,316	116,235,489,350	79,340,334,500
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8,896,049,809	7,850,099,197	31,726,519,791	21,230,058,415
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.3	2,515,503,080	4,863,707,730	19,036,750,560	61,574,431,934
7. Chi phí tài chính	22	V1.4	1,036,349,214	2,909,672,840	(6,678,820,508)	13,763,168,104
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		359,328,402	-	625,310,722	45,414,288
8. Chi phí bán hàng	25	V1.5	-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V1.6	2,961,936,937	2,095,615,698	10,042,393,104	7,667,376,474
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7,413,266,738	7,708,518,389	47,399,697,755	61,373,945,771
11. Thu nhập khác	31	V1.7	267,506,436	592,288,871	279,838,066	424,476,823
12. Chi phí khác	32	V1.8	6,909,772	225,219,268	552,033,723	278,780,912
13. Lợi nhuận khác	40		260,596,664	367,069,603	(272,195,657)	145,695,911
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7,673,863,402	8,075,587,992	47,127,502,098	61,519,641,682
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1,056,154,635	1,582,464,819	8,955,907,164	11,256,967,564
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6,617,708,767	6,493,123,173	38,171,594,934	50,262,674,118
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-	-	-

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Thúy Nga

Cáp Trọng Cường



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

			Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		47,127,502,098	61,519,641,682
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	2,888,027,939	3,197,976,348
- Các khoản dự phòng	03	VI.2, VI.4	(5,039,140,717)	12,142,288,500
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	0	(9,232,561)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.6	355,403,354	(6,230,415,441)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	613,133,024	45,414,288
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		45,944,925,698	70,665,672,816
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10,221,644,129	1,947,750,228
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(209,848,811)	(74,623,262)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5,211,362,212	5,269,147,690
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(47,919,416)	(59,525,335)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(9,033,043,418)	58,574,763,999
- Tiền lãi vay đã trả	14		(170,284,380)	(15,249,293)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(10,719,432,300)	(2,566,253,224)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.15	-	(246,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		41,197,403,714	133,495,683,619
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(51,209,775)	(317,315,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		394,701,818	250,700,314
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của			-	-

<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<u>(180,111,911,311)</u>	<u>(117,733,981,243)</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)			

Đ. N. S. C. C. T. A. M. H. P. H.

Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
MACSTAR
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
Cấp Trưởng Cửa

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV.2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV.2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Macstar (sau đây gọi là “Công ty”) là doanh nghiệp được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Lợi nhuận thuần quý này chủ yếu đến từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

6. Cấu trúc Công ty

*Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số **0200563063** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp (nay là Sở Tài chính), đăng ký lần đầu ngày **29/09/2003**, thay đổi lần thứ **22** ngày **31/12/2025**, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Macstar là **439.560.690.000** đồng.

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 227.094.080.000 đồng lên 439.560.690.000 đồng thông qua việc phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đã hoàn tất thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Số cổ phiếu phát hành thêm hiện đang trong quá trình thực hiện thủ tục niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

*Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	
			Số cuối quý	Số đầu quý
Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh	97/48 Đường số 8, khu phố 5, Phường Tăng Nhơn Phú B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa	56,0%	56,0%
Công ty Cổ phần Vận tải Container ven biển Macstar	Lô đất KB2.11 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Vận chuyển container ven biển bằng sà lan thủy nội địa	67,41%	67,41%
Công ty Cổ phần Bất động sản Macland	Lô đất KB2.11 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận	Kinh doanh bất động sản, quyền sử	21,0%	51,0%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

Hải An, Thành phố Hải
Phòng, Việt Nam

dụng đất
thuộc chủ sở
hữu, chủ sử
dụng, đi thuê
hoặc khác

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của quý trước so sánh được với số liệu của quý này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc quý IV.2025, Công ty có 54 nhân viên đang làm việc.(Số đầu quý là 54 nhân viên)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quý từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcomi không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư với mức trích lập bằng



chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc quý được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu bao gồm:

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Tiền bảo hiểm trả trước cho thời gian bảo hiểm mà Công ty được hưởng. Tiền bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm (12 tháng).

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10
Tài sản cố định khác	10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chỉ trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc quý.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những

điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3,611,356,767	10.309.254.364
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	91,850,000,000	11.600.000.000
Cộng	95,461,356,767	21.909.254.364

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty CP vận tải xăng dầu Vipco	-	27.464.428.161
Công ty cổ phần phát triển hàng hải	17,763,130	-
Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An	35,879,708,449	-
Cộng	35,897,471,579	27.464.428.161

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	213.500.000.000		152.500.000.000	(15.677.616.525)
Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	28.000.000.000	(7.347.784.616)	28.000.000.000	(10.257.011.559)
Công ty Cổ phần Vận tải Container Ven biển Macstar ⁽ⁱⁱ⁾	91.000.000.000	-	48.000.000.000	(5.420.604.966)
Công ty Cổ phần Bất động sản Macland ⁽ⁱⁱⁱ⁾	94.500.000.000	-	76.500.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	120.600.060.000			
Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên ^(iv)	120.600.000.000			
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác^(iv)	900.000.000	-	1.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương	900.000.000	-	900.000.000	-
Công ty CP đầu tư MLU	-	-	300.000.000	-
Cộng	335.000.000.00	(7.347.784.616)	153.700.000.000	(15.677.616.525)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0317732806 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 3 năm 2023, thay đổi lần thứ ba ngày 21 tháng 11 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh có vốn điều lệ là 50.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc quý IV.2025, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

28.000.000.000 VND, sở hữu 2.800.000 cổ phiếu, chiếm 56% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202227821 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 1 năm 2024, thay đổi lần thứ hai vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng cấp, Công ty Cổ phần Vận tải Container Ven Biển Macstar có vốn điều lệ là 135.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc quý IV.2025, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải Container Ven Biển Macstar 91.000.000.000 VND, sở hữu 9.100.000 cổ phiếu, chiếm 67,41% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202264157 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2024, thay đổi lần thứ nhất ngày 31 tháng 12 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng (nay là Sở Tài chính) cấp, Công ty Cổ phần Bất động sản Macland có vốn điều lệ là 450.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc quý IV.2025, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Macland 94.500.000.000 VND, sở hữu 9.450.000 cổ phiếu, chiếm 21% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202133595 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2021, thay đổi lần thứ nhất ngày 14 tháng 01 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng (nay là Sở Tài chính) cấp, Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên có vốn điều lệ là 250.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc quý IV.2025, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên với số tiền 120.600.000.000 VND, sở hữu 9.000.000 cổ phiếu, chiếm 36% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.
- (v) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	31/12/2025		01/01/2025	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương	9.000	18,77%	9.000	18,77%
Công ty Cổ phần Đầu tư MLU	-	-	30.000	15,00%

Ngày 27/02/2025 công ty đã thanh lý khoản đầu tư vào công ty MLU với số lượng: 30.000 cổ phần.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh đã hoàn thành giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng và đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh từ tháng 11/2023.

Công ty Cổ phần Vận tải Container Ven biển Macstar đã đi vào hoạt động từ tháng 1/2024.

Công ty Cổ phần Bất động sản Macland thành lập từ tháng 11/2024. Công ty mới thành lập, đang trong giai đoạn làm các thủ tục pháp lý để thực hiện dự án.

Giao dịch với công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với Công ty con như sau:

	Quý IV.2025	Quý IV/2024
Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh		
Góp vốn vào Công ty con		
Bán vật tư cho Công ty con		250.700.314
Thanh lý tài sản, công cụ, dụng cụ cho Công ty con		
Mua nguyên vật liệu từ Công ty con		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho công ty con	36.612.939	47.221.24
Sử dụng dịch vụ và mua hàng hóa của Công ty con	2.564.187.846	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

Quý IV.2025

Quý IV/2024

Công ty Cổ phần Vận tải Container Ven Biển Macstar

Góp vốn vào Công ty con

Doanh thu cung cấp dịch vụ

575.555.556

Sử dụng dịch vụ của công ty con

590.575.645

26.851.852

Công ty Cổ phần Bất động sản Macland

Góp vốn vào Công ty con

18.000.000.000

Doanh thu cung cấp dịch vụ

-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

31/12/2025

01/01/2025

Phải thu các bên liên quan

-

41.747.939

Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh

12.747.939

Công ty Cổ phần Vận tải Container Ven biển
Macstar

29.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C

-

Phải thu các khách hàng khác

13.338.788.599

8.810.500.452

Maersk line a/s

6.107.478.327

2.932.599.696

Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng

612.199.138

1.002.104.343

Các khách hàng khác

6.619.111.134

4.875.796.413

Cộng

13.338.788.599

8.852.248.391

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

31/12/2025

01/01/2025

Trả trước cho các bên liên quan

10.000.000.000

Công ty Cổ phần Vận tải Container Ven biển
Macstar

10.000.000.000

Trả trước cho người bán khác

32.999.400

155.222.974

Công ty TNHH Quy hoạch và Kiến trúc Hòa Bình

135.000.000

Công ty CP thiết kế hàng hải Hoàng Gia

Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán A&C

Công ty TNHH Lomus Unik

32.999.400

Các nhà cung cấp khác

20.222.974

Cộng

32.999.400

10.155.222.974

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

31/12/2025

01/01/2025

Giá trị

Dự phòng

Giá trị

Dự phòng

Phải thu các bên liên quan

1.551.800.000

769.500.000

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C - Thu
hệ phí dịch vụ

1.551.800.000

-

769.500.000

-

Phải thu các tổ chức và cá nhân khác

2.594.808.325

-

1.954.281.991

-

Tạm ứng

73.562.274

-

61.822.893

-

Tạm tính doanh thu

2.456.092.969

-

1.842.146.973

-

Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn

11.953.082

-

18.553.425

-

Ký cược, ký quỹ

52.000.000

-

10.000.000

-

Các khoản phải thu khác

1.200.000

-

21.758.700

-

Cộng

4.146.608.325

-

2.723.781.991

-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi (“MTC”) theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05-15/HĐHT/MTC-MAC (“Hợp đồng 05-15”) ngày 22/04/2015 để triển khai kinh doanh khai thác bãi container và các dịch vụ khác tại lô đất 4,3ha thuộc dự án BP-Motachi ở Đông Nam bán đảo Đình Vũ, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Thực hiện các Phụ lục 01 và 02 ký kết năm 2015, Công ty đã ứng vốn cho MTC, số tiền 35 tỷ VND để bổ sung vốn đầu tư hệ thống hạ tầng.

Theo Phụ lục số 08 ngày 31/12/2020 (hiệu lực từ 01/01/2021 đến 31/7/2022), 2 bên hợp tác triển khai việc kinh doanh khai thác bãi container và các dịch vụ khác như sửa chữa, bảo trì, vệ sinh container, kho CFS trên diện tích 2,2 ha tại lô đất 4,3 ha và thống nhất thời gian thực hiện từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2035. Công ty sẽ thu hồi dần tiền ứng vốn trong thời gian 15 năm từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2035 thông qua đối trừ chi phí sử dụng bãi.

Theo Phụ lục số 09 ngày 25/07/2022 (hiệu lực từ 01/8/2022), 2 bên thống nhất lại diện tích hợp tác là 3,5 ha tại lô đất 4,3 ha và thời gian thực hiện từ ngày 01/08/2022 đến hết ngày 31/07/2030. Công ty sẽ thu hồi dần tiền ứng vốn thông qua đối trừ chi phí sử dụng bãi, được chia làm 2 giai đoạn: (i) Giai đoạn từ 01/08/2022 đến 31/07/2027 (5 năm): chi phí sử dụng bãi 612.500.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT), số cần trừ công nợ là 550.000.000 VND/tháng; (ii) Giai đoạn từ 01/08/2027 đến 31/07/2030 (3 năm): chi phí sử dụng bãi 682.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT), số cần trừ công nợ là 600.000.000 VND/tháng. Theo thỏa thuận này, từ tháng 8/2022 đến tháng 11/2029, Công ty sẽ thu hồi được 49.568.551.298 VND (gồm: 35.000.000.000 VND tiền ứng vốn và 14.568.551.298 VND nợ phải thu MTC) qua cần trừ công nợ phí sử dụng bãi. Đến ngày 31/12/2025, Công ty đã thu hồi hết số nợ phải thu là 14.568.551.298 VND và số tiền ứng vốn còn phải thu hồi là: 27.000.000.000 VND.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.718.737.150	(37.281.172)	2.508.888.339	(37.866.954)
Công cụ, dụng cụ	164.304.855	-	164.304.855	-
Cộng	2.883.042.005	(37.281.172)	2.673.193.194	(37.866.954)

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí công cụ, dụng cụ	73.305.778	48.585.520
Chi phí bảo hiểm	3.936.583	11.490.098
Chi phí sửa chữa	-	-
Chi phí truyền thông	-	113.636.364
Các chi phí khác	11.047.500	34.139.333
Cộng	88.289.861	207.851.315

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí công cụ, dụng cụ	255.209.828	79.654.166
Các chi phí khác	4.465.000	12.539.792

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

	31/12/2025	01/01/2025
Cộng	259.674.828	92.193.958

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư tại 01/01/2025	30.078.600.206	2.348.027.664	17.227.621.801	361.182.636	50.015.432.307
Mua trong kỳ				34.898.148	34.898.148
Thanh lý, nhượng bán			2.761.042.273		2.761.042.273
Số dư tại 31/12/2025	30.078.600.206	2.348.027.664	14.466.579.528	396.080.874	47.289.288.182
Giá trị hao mòn					
Số dư tại 01/01/2025	19.848.055.291	2.006.273.586	15.465.044.343	287.490.167	37.606.863.387
Khấu hao trong kỳ	1.760.930.281	118.887.935	976.569.445	31.640.278	2.888.027.940
Thanh lý, nhượng bán			2.593.613.182		2.593.613.182
Số dư tại 31/12/2025	21.608.985.572	2.125.161.521	13.848.000.607	319.130.445	37.901.278.144
Giá trị còn lại					
Số dư tại 01/01/2025	10.230.544.915	341.754.078	1.762.577.458	73.692.469	12.408.568.920
Số dư tại 31/12/2025	8.469.614.634	222.866.143	618.578.921	76.950.339	9.388.010.038

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư tại 01/01/2025	633.632.000	40.000.000	673.632.000
Số dư tại 31/12/2025	633.632.000	40.000.000	673.632.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	40.000.000	40.000.000
Giá trị hao mòn			
Số dư tại 01/01/2025	-	40.000.000	40.000.000
Số dư tại 31/12/2025	-	40.000.000	40.000.000
Giá trị còn lại			
Số dư tại 01/01/2025	633.632.000	-	633.632.000
Số dư tại 31/12/2025	633.632.000	-	633.632.000

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Phải trả các bên liên quan	14.344.712.335	1.566.799.377
Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh	2.108.401.274	1.555.351.377
Công ty CP vận tải container ven biển Macstar	630.513.061	
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	11.605.798.000	11.448.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	2.961.949.826	3.388.382.024
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi	370.121.724	508.213.952
Công ty Cổ phần Kim khí Bắc Việt	625.713.094	805.356.614
Các nhà cung cấp khác	1.966.115.008	2.074.811.458
Cộng	17.306.662.161	4.955.181.401

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
<i>Các bên liên quan</i>		554.800.009
Dịch vụ nâng hạ		554.800.009
<i>Các khách hàng khác</i>		78.072.677
Công ty TNHH KT Logistics		66.787.200
Các khách hàng khác	846.532.043	11.285.477
Cộng	846.532.043	632.872.686

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu quý		Số phát sinh trong quý		Số cuối quý	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	172.470.594		3.390.941.668	3.537.641.716	25.770.546	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.899.752.529		1.056.154.635	1.000.000.000	6.955.907.164	
Thuế thu nhập cá nhân		48.259.891	68.388.717	48.400.847		28.272.021
Tiền thuê đất	411.431.425			890.340.375		478.908.950
Thuế môn bài						
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	40.269.568			40.269.568		
Cộng	7.523.924.116	48.259.891	4.515.485.020	5.516.652.506	6.981.677.710	507.180.971

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu xuất khẩu	0%
- Doanh thu cung cấp nước ngọt	5%
- Doanh thu khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Quý IV.2025	Quý IV.2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.673.863.402	8.075.587.992
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		(29.269.605)
- <u>Các khoản điều chỉnh tăng</u>		
Chi phí không được trừ	6.909.772	
Các khoản khác		16.082.606
- <u>Các khoản điều chỉnh giảm</u>		
Các khoản khác		(45.352.211)
Thu nhập chịu thuế	7,680,773,174	8.046.318.387
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	2.400.000.000	133.994.288
Thu nhập tính thuế	5.280.773.174	7.912.324.099
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.056.154.635	1.582.464.819
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		-
Thuế TNDN phải nộp	1.056.154.635	1.582.464.819

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng như sau:

Vị trí đất

- 173 Ngô Quyền, P.Máy Chai, Q.Ngô Quyền, Hải Phòng
- 8A đường vòng Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, Hải Phòng

Diện tích thuê

13.547,2 m²

7.904 m²

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	705.962.963	3.720.161.490
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	143.447.765	137.944.297
Cộng	849.410.728	3.858.105.787

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025	01/01/2025
Kinh phí công đoàn	69.100.069	68.684.669
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	156.123.089	157.584.889
Cổ tức phải trả	19.363.850	19.363.850
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		35.000.000
Chi phí phát hành cổ phiếu phải trả	197.708.000	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	148.467.298	159.223.769
Cộng	590.762.306	439.857.177

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty như sau:

	Quý IV.2025	Quý IV.2024
Số đầu kỳ	2.982.763.805	1.023.318.694
Tăng do trích lập từ lợi nhuận		
Chi quỹ		
Số cuối kỳ	2.982.763.805	1.023.318.694

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu quý này	227.094.080.000	(929.936.536)	22.862.255		38.859.427.243	265.046.432.962
Lợi nhuận quý này					6.617.708.767	6.617.708.767
CP phát hành	212.466.610.000	(270.226.364)				212.196.383.636
Trích quỹ khen thưởng			22.862.255		45.477.136.010	483.860.525.365
Số dư cuối quý	439.560.690.000	(1.200.162.900)				

16b. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.956.069	15.139.745
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	43.956.069	15.139.745
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	43.956.069	15.139.745

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

*Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc quý IV.2025, tiền ngoại tệ bao gồm 04.02 USD- (số đầu quý là 65.62 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Quý IV.2025	Quý IV.2024
Doanh thu sửa chữa, cơ khí	13.887.763.170	14.455.730.433
Doanh thu hoạt động thương mại	27.442.340.193	18.026.582.883
Doanh thu dịch vụ khai thác bãi	402.418.913	493.373.197
Doanh thu dịch vụ khác	41,732,522,276	32.975.686.513
Cộng		

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con đã trình bày tại thuyết minh V.2, các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	Quý IV.2025	Quý IV.2024
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C		
Cung cấp dịch vụ cho bên liên quan	2.920.625.599	2.862.495.800
Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Sông Đào		
Cung cấp dịch vụ cho bên liên quan	90.165.100	

2. Giá vốn hàng bán

	Quý IV.2025	Quý IV.2024
Giá vốn của dịch vụ sửa chữa, gia công	10.741.642.513	10.506.518.643
Giá vốn dịch vụ khai thác bãi	21.963.442.510	14.349.200.528
Giá vốn dịch vụ khác	131.387.444	269.868.145
Cộng	32.836.472.467	25.125.587.316

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV.2025	Quý IV.2024
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	11.953.082	415.013.698
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.064.079	3.683.091
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh		13.320.000
Cổ tức lợi nhuận được chia		133.994.288
Lãi chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh	2.500.485.919	4.297.696.653
Lãi đầu tư trái phiếu	2.515.503.080	4.863.707.730
Cộng		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý IV.2025</u>	<u>Quý IV.2024</u>
Chi phí lãi vay	359.328.402	
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	659.708.449	(2.669.510.700)
Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con		5.522.828.059
Chi phí khác	143.255.584	56.355.481
Hoàn nhập dự phòng đầu tư	(125.943.221)	
Cộng	<u>1.036.349.214</u>	<u>2.909.672.840</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý IV.2025</u>	<u>Quý IV.2024</u>
Chi phí cho nhân viên	2.131.032.287	1.481.004.070
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.900.000	7.867.359
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.336.372	111.443.421
Thuế, phí và lệ phí	4.163.666	46.480.882
Dự phòng phải thu khó đòi	568.336.599	251.198.131
Chi phí dịch vụ mua ngoài	(48.719.515)	-
Tiền thuê đất		-
Trợ cấp thôi việc	247.887.528	197.621.835
Các chi phí khác	<u>2.961.936.937</u>	<u>2.095.615.698</u>
Cộng		

6. Thu nhập khác

	<u>Quý IV.2025</u>	<u>Quý IV.2024</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		250.700.314
Lãi thanh lý công cụ, dụng cụ	227.272.727	
Xử lý chi phí trích trước nguyên giá TSCĐ		
Xử lý công nợ phải trả dư lâu ngày		333.311.562
Thu từ khoản nợ đã xóa sổ	40.233.709	8.276.995
Thu nhập khác	<u>267.506.436</u>	<u>592.288.871</u>
Cộng		
Thanh lý tài sản cố định cho bên liên quan:		250.700.314
Công ty cổ phần Macstar Hồ Chí Minh		

7. Chi phí khác

	<u>Quý IV.2025</u>	<u>Quý IV.2024</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		209.136.662
Thuế bị phạt, bị truy thu		16.082.606
Chi phí khác	6.909.772	
Cộng	<u>6.909.772</u>	<u>225.219.268</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

Quý IV.2025 Quý IV.2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MACSTAR

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

Quý IV.2025 Quý IV.2024

*Bù trừ công nợ phải thu và phải trả của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây
đựng và Thương mại Motachi

1.650.000.000 1.650.000.000

Lập, ngày tháng 01 năm 2026

Lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thúy Nga

Nguyễn Thị Thúy Nga



Tổng giám đốc

Cáp Trọng Cường